TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1645/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2801/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1940/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đặng Trường G, sinh năm 1974

Thường trú: Đường K, Khu phố S, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Diễm X, sinh năm 1975

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Đường K, Khu phố S, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Đặng Trường G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông G và bà Phạm Thị Diễm X tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/6/2005. Ban đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên chỉ được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn liên tục và không giải quyết được nguyên nhân do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống mà không thể hòa giải được. Đến năm 2010, bà X bỏ nhà đi, gia đình hai bên và ông G đã cố gắng tìm kiếm bà X bằng mọi cách như đăng thông tin tìm kiếm trên báo, đài nhưng không có kết quả. Do đó, năm 2022, ông G đã nộp đơn yêu cầu

tuyên bố bà X mất tích. Hiện nay ông G xác định cuộc sống hôn nhân của ông G, bà X không còn tồn tại trên thực tế nên ông G yêu cầu được ly hôn với bà X.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn bà Phạm Thị Diễm X đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Đặng Trường G có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Về quan hệ hôn nhân: Ông G yêu cầu được ly hôn với bà X; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà Phạm Thị Diễm X đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Đặng Trường G yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Diễm X. Theo Kết quả xác minh của Công an phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn bà X không còn cư trú tại Đường K, Khu phố S, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, đi đâu không rõ từ năm 2010. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn ông G có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Bị đơn bà X đã được Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đặng Trường G và bà Phạm Thị Diễm X tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/6/2005 và được Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 1. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa ông G và bà X là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà X đã bỏ đi từ năm 2010. Ngày 30/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã có Quyết định số 3302/2022/QĐST-DS về việc tuyên bố bà X mất tích.

Đồng thời, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án, Đăng tin trên báo Nhân dân trong 03 số liên tiếp vào các ngày 17/01/2023, ngày 18/01/2023 và ngày 19/01/2023, Phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam trong 03 ngày liên tiếp vào các ngày 06/02/2023, ngày 07/02/2023 và ngày 08/02/2023 và triệu tập bà X hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà X vẫn không có tin tức.

Xét thấy, ông G và bà X đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không có sự liên lạc, quan tâm, chăm sóc, yêu thương lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng giữa hai bên đã không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình của ông G, bà X không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông G sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điều 180, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đặng Trường G.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đặng Trường G và bà Phạm Thị Diễm X.

1.2 Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đặng Trường G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006738 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đặng Trường G đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đặng Trường G và bà Phạm Thị Diễm X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu